

Murphy, L., Sanders, L., B. Gordon and T. Tindall, 2003. "Improving fertilizer phosphorus use efficiency with Avail polymer technology". National workshop on improving the efficiency of management and use

fertilizer in Vietnam, Can Tho 5/3/2013.

Savant, N. K. and S. K. De Datta, 1982. Nitrogen transformation in wetland rice soils. *Advance in Agronomy*, 35: 241-302.

Effects of Urea-Gold45^r on rice growth and grain yield in acid sulphate soils of the Mekong Delta

Vu Anh Phap, Tu Van Dung and Le Hoang Kiet

Abstract

The research was carried out on acid sulphate soil in Hoa An village, Hau Giang province in order to evaluate the effect of Urea Gold on spore density, root penetration of *Endomycorrhizae* fungi, and rice agronomic traits, grain yield. The experiments were conducted in randomized complete block design with 7 treatments. The results showed that Urea-Gold (*Endomycorrhizae*) gave high spore density, root penetration and diverse spore shapes of the *Endomycorrhizae*. Urea-Gold fertilizer with a dose of 80% protein + 70% phosphorus had the highest number of spores and penetration rates of *Endomycorrhizae*; the agronomic traits, root weight, yield and profit were equivalent to that when applying a dose of 100% nitrogen + 100% phosphorus.

Key words: Acid sulphate soil, *Endomycorrhizae*, Urea-Gold

Ngày nhận bài: 14/8/2017

Ngày phản biện: 19/8/2017

Người phản biện: PGS. TS. Phạm Quang Hà

Ngày duyệt đăng: 10/9/2017

ẢNH HƯỞNG KỸ THUẬT BÓN PHÂN ĐẾN NĂNG SUẤT HOM VÀ SINH TRƯỞNG CỦA HOM CHÈ TRUNG DU BÚP TÍM TRONG VƯỜN ƯƠM TẠI THÁI NGUYÊN

Dương Trung Dũng¹, Trần Xuân Hoàng²

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của kỹ thuật bón phân đến năng suất hom và sinh trưởng của hom chè Trung du búp tím tại Thái Nguyên, nhằm nâng cao khả năng nhân giống của giống chè này cho thấy: Bón 20 tấn phân chuồng và 160 kg NPK (16 : 10 : 6) cho sản lượng và chất lượng hom loại A đạt cao nhất và cao hơn đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Bón 70 g NPK (16 : 10 : 6)/m² bầu ươm cho tỷ lệ bặt mầm, chiều cao cây, số lá trên cây đạt cao nhất cao hơn công thức đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%.

Từ khóa: Giám canh, phân bón, chè Trung du búp tím, vườn ươm

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay giống chè Trung du diện tích đang dần thu hẹp lại và được thay thế bằng những giống chè năng suất cao khác; đặc biệt là giống chè Trung du búp tím đang mất dần do người dân chưa hiểu biết về giống chè này và hiệu quả về y học của nó nên đã chặt bỏ chuyển sang trồng chè lai và một số loại cây trồng khác (Đỗ Văn Ngọc, 2005, 2006). Mặt khác, do chè Trung du được hình thành tự phát nhờ hạt mọc tự nhiên, hoặc do người dân trồng từ hạt không qua tuyển chọn nên vùng chè Trung du không có sự đồng đều về hình thái và chất lượng búp. Sự không đồng đều về hình thái ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng chè thành phẩm của vùng chè Thái Nguyên.

Để phát triển ngành chè phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước, tỉnh Thái Nguyên đã và đang tiếp tục xây dựng chiến lược bảo tồn các giống chè quý của địa phương, trong đó có giống chè Trung du búp tím - giống chè được coi là giống địa phương của Thái nguyên. Chè Trung du búp tím là giống chè chọn lọc từ quần thể giống chè bản địa Trung du Bắc bộ (*Camellia sinensis* var. *Macrophylla*) thuộc vùng Trung du Bắc bộ mang ý nghĩa mới cho khoa học và thực tiễn.

Giám canh là một biện pháp nhân giống chè có tính khả thi nhất bởi tính ưu việt của nó. Khả năng sinh trưởng của cành ghép chịu ảnh hưởng

¹ Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

² Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc

của nhiều yếu tố, tuy nhiên những yếu tố nội sinh trong canh giâm bao giờ cũng ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của cành giâm (Nguyễn Văn Thiệp và *ctv.*, 2008; Đặng Văn Thu, 2009; 2010). Mỗi giống chè có những đặc điểm sinh vật học khác nhau nên khả năng giâm cành cũng khác nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu “Ảnh hưởng kỹ thuật bón phân đến năng suất hom và sinh trưởng của hom chè Trung du búp tím trong vườn ươm tại Thái Nguyên” để đưa vào sản xuất là cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống chè Trung du búp tím thời kỳ sản xuất kinh doanh tại Thái Nguyên. Vườn chè giống gốc Trung du búp tím sinh trưởng, phát triển tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt.

- Phân bón: N, P, K, phân chuồng ...

2.2. Phương pháp bố trí thí nghiệm

2.2.1. Nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón cho cây mẹ đến năng suất và chất lượng hom giống chè Trung du búp tím, gồm 4 công thức (CT): CT1: 20 tấn phân chuồng (nền); CT2: Nền + 100 kg NPK (16:10:6); CT3: Nền + 130 kg NPK (16:10:6); CT4: Nền + 160 kg NPK (16:10:6).

- Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến khả năng sinh trưởng phát triển của cành giâm giống chè Trung du búp tím trong vườn ươm, gồm 4 công thức: CT1: 40 g NPK (16:10:6)/m²(Đ/c); CT2: 50 g NPK (16:10:6)/m²; CT3: 60 g NPK (16:10:6)/m²; CT4: 70 g NPK (16:10:6)/m².

2.2.2. Phương pháp bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ngẫu nhiên hoàn toàn, với 3 lần nhắc lại, diện tích ô thí nghiệm 1 m². Kỹ thuật chăm sóc vườn nuôi hom và vườn ươm theo đúng quy trình hiện hành.

2.2.3. Các chỉ tiêu theo dõi

Đo đếm các chỉ tiêu về khả năng cho sản lượng hom, chất lượng hom. Các chỉ tiêu sinh trưởng của cành giâm: Tỷ lệ sống (%); tỷ lệ ra rễ (%); tỷ lệ bật mầm (%), tỷ lệ xuất vườn (%). Chiều cao cây (cm): Đo từ vết cắt của hom giâm đến đỉnh sinh trưởng của cây. Số lá/cây (lá/cây): đếm số lá có trên cây chè giống. Đường kính thân (cm): Đo cách vết cắt hom 1 cm, bằng thước kẹp palme.

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý theo CropStat 7.2 và Excel 2010.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2016 tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón cho cây mẹ đến năng suất và chất lượng hom giống chè Trung du búp tím

3.1.1. Ảnh hưởng của lượng phân NPK đến sản lượng và chất lượng hom chè

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của bón phân đến sản lượng và chất lượng hom chè giống Trung du búp tím, số liệu được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Ảnh hưởng của bón phân đến sản lượng và chất lượng hom giống

Công thức	Sản lượng hom (hom/cây)	Chất lượng hom (%)	
		Loại A	Loại B
CT1	113,0	51,9	48,1
CT2	122,7	58,2	41,8
CT3	127,7	63,5	36,5
CT4	132,3	67,4	32,6
CV(%)	3,2	2,4	2,1
LSD _{0,05}	4,7	4,5	3,2

Ghi chú: CT1: 20 tấn phân chuồng (nền); CT2: Nền + 100 kg NPK (16:10:6); CT3: Nền + 130 kg NPK (16:10:6); CT4: Nền + 160 kg NPK (16:10:6).

Kết quả ở bảng 1 cho thấy: Các công thức bón phân khác nhau cho sản lượng hom chè giống khác nhau. Sản lượng hom chè dao động từ 113,0 - 132,3 hom/cây. Các công thức 2, 3, 4 bón bổ sung phân bón NPK cho sản lượng hom cao hơn công thức đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Cao nhất ở công thức 4 đạt 132,3 hom/cây. Khi bón bổ sung phân NPK đều làm tăng đáng kể tỷ lệ hom loại A. Hom loại A dao động từ 51,9 - 67,4%. Công thức 2, 3, 4 được bón bổ sung thêm phân NPK do vậy có tỷ lệ hom loại A cao hơn hẳn với đối chứng ở mức độ tin cậy 95%.

3.1.2. Ảnh hưởng của phân bón cho cây mẹ đến tỷ lệ sống của cành giâm

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 2.

Số liệu bảng 2 cho thấy các công thức bón phân bổ sung cho cây mẹ khác nhau thì tỷ lệ sống của cành giâm khác nhau. Thời điểm 50 đến 60 ngày sau khi cắm hom thì tỷ lệ sống của cành giâm sai khác giữa

các công thức không đáng kể. Tại thời điểm 60 ngày sau tỷ lệ sống của CT4 là cao nhất đạt 88,3% và thấp nhất ở CT1 (đối chứng) là đạt 86,2% chắc chắn ở độ tin cậy 95%.

Bảng 2. Ảnh hưởng của bón phân cho cây mẹ đến tỷ lệ sống của cành giâm

Công thức	Tỷ lệ sống (%)					
	10 ngày	20 ngày	30 ngày	40 ngày	50 ngày	60 ngày
CT1	100	100	99,5	98,2	98,8	86,2
CT2	100	100	100	99,0	94,5	87,1
CT3	100	100	99,0	98,5	93,0	87,2
CT4	100	100	98,5	98,5	93,5	88,3
CV(%)	-	-	1,3	0,4	0,6	0,7
LSD _{0,05}	-	-	2,6	0,9	1,1	1,3

Ghi chú: CT1: 20 tấn phân chuồng (nền); CT2: Nền + 100 kg NPK (16:10:6); CT3: Nền + 130 kg NPK (16:10:6); CT4: Nền + 160 kg NPK (16:10:6).

3.1.3. Ảnh hưởng của phân bón cho cây mẹ đến tỷ lệ ra rễ của cành giâm

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón cho cây mẹ đến tỷ lệ ra rễ của cành giâm số liệu được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Ảnh hưởng của bón phân cho cây mẹ đến tỷ lệ ra rễ của cành giâm

Công thức	Tỷ lệ ra rễ của cành giâm (%)		
	30 ngày	50 ngày	70 ngày
CT1	0,0	34,7	80,7
CT2	0,0	45,3	81,3
CT3	0,0	38,7	84,7
CT4	0,0	41,3	87,3
CV(%)	0,0	6,0	3,2
LSD _{0,05}	0,0	4,8	4,8

Ghi chú: CT1: 20 tấn phân chuồng (nền); CT2: Nền + 100 kg NPK (16:10:6); CT3: Nền + 130 kg NPK (16:10:6); CT4: Nền + 160 kg NPK (16:10:6).

Số liệu ở bảng 3 cho thấy: Quá trình ra rễ và hình thành rễ phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh như độ ẩm, ánh sáng, tình trạng sinh trưởng của giống. Sau khi giâm hom 50 ngày, hom chèn ra rễ và tỷ lệ ra rễ dao động từ 34,7 - 45,3% đạt cao nhất ở CT2 là 45,3%. Sau giâm 70 ngày tỷ lệ ra rễ dao động từ 80,7 - 87,3%; đạt cao nhất ở công thức 4 (87,3%), thấp nhất ở công thức 1 (80,7%). Qua theo dõi thí nghiệm cho thấy các công thức được bón bổ sung NPK tỷ lệ ra rễ cao hơn so với không bón NPK chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%.

3.2. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến khả năng sinh trưởng phát triển của cành giâm giống chè Trung du búp tím trong vườn ươm

3.2.1. Ảnh hưởng của liều lượng bón phân đến tỷ lệ bật mầm của cành giâm

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón phân đến tỷ lệ bật mầm của cành giâm, số liệu được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Ảnh hưởng của bón phân đến tỷ lệ bật mầm của cành giâm

Công thức	Tỷ lệ bật mầm của cành giâm (%)		
	30 ngày	50 ngày	70 ngày
CT1	6,7	36,7	67,7
CT2	10,7	41,3	70,3
CT3	6,7	41,5	72,3
CT4	8,0	44,7	76,7
CV(%)	3,2	5,0	3,9
LSD _{0,05}	6,1	3,5	4,8

Ghi chú: CT1: 40 g NPK (16:10:6)/m²(Đ/c); CT2: 50 g NPK (16:10:6)/m²; CT3: 60 g NPK (16:10:6)/m²; CT4: 70 g NPK (16:10:6)/m².

Số liệu bảng 4 cho thấy: Sau khi cắm hom 30 ngày ở các công thức bật mầm đã phát động và dần dần hình thành cây chèn mới. Tỷ lệ bật mầm biến động từ 6,7 - 10,7%, công thức 2 có tỷ lệ bật mầm đạt cao nhất ở mức độ tin cậy 95%. Sau cắm hom 50 ngày tỷ lệ bật mầm dao động từ 36,7 - 44,7%, công thức 4 có tỷ lệ bật mầm cao nhất đạt 44,7%. Các công thức 2,3,4 có tỷ lệ bật mầm cao hơn hẳn so với công thức đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Sau cắm hom 70 ngày tỷ lệ bật mầm dao động từ 67,7 - 76,7%, công thức 1 có tỷ lệ bật mầm thấp nhất đạt 67,7%, Công thức 2,3 có tỷ lệ bật mầm tương đương với đối chứng ở mức độ tin cậy 95%. Công thức 4 có tỷ lệ bật mầm cao nhất cao hơn hẳn so với đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%.

3.2.2. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chiều cao cây trong vườn ươm

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chiều cao cây trong vườn ươm, số liệu được trình bày ở bảng 5.

Số liệu bảng 5 cho thấy: Chiều cao của hom chèn ở giai đoạn đầu sau cắm hom 120 ngày cây sinh trưởng chậm do thời kỳ đầu bộ rễ chưa phát triển đầy đủ cung cấp các chất dinh dưỡng nuôi cây và chiều cao cây dao động từ 9,6 - 12,0 cm. Ở tất cả các công thức thí nghiệm có chiều cao cây tương đương với đối

chúng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Sau chăm hom 150 ngày chiều cao cây dao động từ 17,8 - 22,5 cm, công thức 1 có chiều cao cây thấp nhất chỉ đạt 17,8 cm. Ở các công thức 2, 3, 4 có chiều cao cây cao hơn so với đối chứng và cao nhất ở công thức 4 đạt 22,5 cm chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Sau chăm hom 180 ngày chiều cao cây dao động từ 23,7 - 27,7 cm. Công thức 2 có chiều cao cây đạt 26,0 cm tương đương với đối chứng, công thức 3 và công thức 4 có chiều cao cây đạt trên 27 cm cao hơn công thức đối chứng ở mức độ tin cậy 95%.

Bảng 5. Ảnh hưởng của phân đạm đến chiều cao cây giống trong vườn ươm

Công thức	Chiều cao cây sau chăm hom (cm)		
	120 ngày	150 ngày	180 ngày
CT1	9,6	17,8	23,7
CT2	11,3	19,8	26,0
CT3	11,5	21,5	27,6
CT4	12,0	22,5	27,7
CV(%)	4,2	3,1	3,4
LSD _{0,05}	2,5	1,8	2,7

Ghi chú: CT1: 40 g NPK (16:10:6)/m² (Đ/c); CT2: 50 g NPK (16:10:6)/m²; CT3: 60 g NPK (16:10:6)/m²; CT4: 70 g NPK (16:10:6)/m².

3.2.3. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến số lá trên cây trong vườn ươm

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến số lá/cây trong vườn ươm của giống chè Trung du búp tím, số liệu được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Ảnh hưởng của phân đạm đến khả năng ra lá của cành giâm

Công thức	Số lá trên cây (lá)		
	120 ngày	150 ngày	180 ngày
CT1	6,2	8,3	10,5
CT2	6,3	8,5	10,6
CT3	6,9	9,3	11,9
CT4	7,6	9,7	12,7
CV(%)	2,6	1,3	2,3
LSD _{0,05}	1,2	1,1	1,3

Ghi chú: CT1: 40 g NPK (16:10:6)/m² (Đ/c); CT2: 50 g NPK (16:10:6)/m²; CT3: 60 g NPK (16:10:6)/m²; CT4: 70 g NPK (16:10:6)/m².

Số liệu bảng 6 cho thấy: Sau 120 ngày chăm hom số lá trên cây dao động từ 6,2 - 7,6 lá/cây. Các CT2, CT3 tuy liều lượng NPK khác nhau nhưng có số lá trên cây tương đương với đối chứng, ở công thức 4

số lá/cây đạt 7,6 là cao hơn hẳn so với đối chứng chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%. Sau chăm hom 180 ngày số lá/cây dao động từ 10,5 - 12,7 lá/cây. Công thức 2 có số lá/cây tương đương với đối chứng; CT3 và 4 có số lá/cây cao hơn so với đối chứng, cao nhất ở công thức 4 đạt 12,7 lá/cây ở mức độ tin cậy 95%.

3.2.4. Tiêu chuẩn cây chè giống Trung du búp tím

Từ các kết quả nghiên cứu ở giai đoạn vườn giống chè Trung du búp tím tại Thái Nguyên, nhóm tác giả đề xuất tiêu chuẩn cây chè Trung du búp tím trước khi xuất vườn, thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7. Tiêu chuẩn cây chè giống Trung du búp tím

TT	Chỉ tiêu	Loại 1	Loại 2
1	Thời gian giâm cành (tháng)	10 - 12	8 - 10
2	Chiều cao cây (cm)	> 22	18 - 22
3	Đường kính cây (cm)	> 0,3	0,25 - 0,3
4	Tỷ lệ thân hóa nâu (%)	> 70	50 - 70
5	Tỷ lệ xuất vườn (%)	> 95	85 - 90

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Kỹ thuật bón phân cho cây mẹ (vườn giống gốc) đến năng suất và chất lượng hom giống chè Trung du búp tím thì công thức 4: Nền + 160 kg NPK (16 : 10 : 6) cho sản lượng hom, chất lượng hom loại A và tỷ lệ ra rễ sau giâm 70 ngày đạt giá trị cao hơn các công thức khác, số liệu lần lượt là 132,3 hom/cây, 67,4% và 87,3%.

- Kỹ thuật bón phân đến khả năng sinh trưởng, phát triển của cành giâm giống chè Trung du búp tím trong vườn ươm thì công thức bón 70 g NPK(16:10:6)/m² đạt tỷ lệ bật mầm, chiều cao cây, số lá/cây cao nhất và cao hơn đối chứng ở mức độ tin cậy 95%, số liệu lần lượt là: 76,7%, 27,7 cm và 12,7 lá/cây.

4.2. Đề nghị

Đề nghị áp dụng công thức bón 160 kg NPK (16 : 10 : 6) cho vườn cây mẹ và 70 g NPK (16 : 10 : 6) cho nhân giống vô tính chè Trung du búp tím ở giai đoạn vườn ươm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Văn Ngọc**, 2005. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài: Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống chè chất lượng cao giai đoạn 2001 - 2005. Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc.
- Đỗ Văn Ngọc**, 2006. Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống chè. Kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao

công nghệ giai đoạn 2001- 2005. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 30-50.

Nguyễn Văn Thiệp, Nguyễn Văn Tạo, 2008. Hệ số nhân giống từ các vườn ươm cây mẹ của hai giống chè mới Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích trong điều kiện Phú Hộ, Phú Thọ. *Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn*, (2): 38-50.

Đặng Văn Thư, 2009. Ảnh hưởng của phân bón cho

vườn nuôi hom đến khả năng giâm cành của một số giống chè. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, số 2 (11): 31 - 36.

Đặng Văn Thư, 2010. *Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học và biện pháp kỹ thuật để mở rộng diện tích một số giống chè có triển vọng ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ nông nghiệp. Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. Hà Nội.

Effects of fertilizing techniques on cutting yield and growth of tea cuttings of purple Trung du tea variety in the nursery in Thai Nguyen province

Duong Trung Dung, Tran Xuan Hoang

Abstract

The effects of fertilizing techniques on cutting yield and growth of tea cuttings of purple Trung du tea variety in the nursery in Thai Nguyen province for enhancing the ability of multiplication of this tea variety showed that applying 20 tons of manure and 16 kg of NPK (16:10:6) for production and quality of A type cuttings had the highest yield and higher than that of the control at 95% confident level. The ratio of germination, plant height, number of leaves per plant reached the highest and higher than the control at 95% confident level when applying 70 g of NPK (16:10:6)/m².

Key words: Cutting, fertilizer, purple Trung du tea variety, nursery

Ngày nhận bài: 10/8/2017
Ngày phản biện: 20/8/2017

Người phản biện: TS. Đỗ Văn Ngọc
Ngày duyệt đăng: 10/9/2017

NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG NGUYÊN LIỆU CHÈ TRUNG DU BÚP TÍM Ở PHÍA BẮC VIỆT NAM

Dương Trung Dũng¹, Trần Xuân Hoàng²

TÓM TẮT

Kết quả theo dõi, đánh giá và phân tích về các chỉ tiêu thành phần cơ giới; thành phần sinh hóa; chất lượng chè để đề xuất tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu chè Trung du búp tím ở khu vực phía Bắc Việt Nam cho thấy: Thành phần cơ giới búp chè 1 tôm 3 lá của giống chè Trung du búp tím có tỷ lệ tôm trung bình là 2,88%; tỷ lệ lá 1 đạt 8,50%; tỷ lệ lá 2 đạt 21,44%; tỷ lệ lá 3 đạt 32,05% và tỷ lệ cuống đạt 35,14%. Phẩm cấp nguyên liệu của búp chè có tỷ lệ chè loại B + C đạt trên 42%. Thành phần sinh hóa búp chè 1 tôm 3 lá có hàm lượng tanin đạt 28,63%, chất hòa tan đạt 42,26%, anthocyanin đạt 0,119%, chlorophyll đạt 7,84%. Đánh giá chất lượng sản phẩm chè Trung du búp tím bằng thử nếm cảm quan ở các thời vụ khác nhau đều có kết quả thử nếm trên 17,00 điểm, xếp loại khá.

Từ khóa: Thành phần, búp chè, tỷ lệ, chất lượng, tiêu chuẩn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chè là cây công nghiệp được đánh giá có vai trò quan trọng trong cơ cấu cây trồng ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đem lại nguồn thu nhập quan trọng góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo và dẫn tiến tới làm giàu cho nhân dân trong vùng. Ngoài ý nghĩa kinh tế, cây chè còn có vai trò che phủ đất chống, đồi núi trọc và bảo vệ môi trường sinh thái, một trong những vấn đề nhiều quốc gia quan tâm.

Theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Chè (nay là Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp

miền núi phía Bắc), giống Trung du chiếm tới 40% diện tích các điểm điều tra, trong đó giống chè Trung du búp tím là giống chè chọn lọc từ chè bản địa Trung du Bắc bộ (*Camellia sinensis* var. *Macrophylla*) có khả năng thích ứng với điều kiện bất thuận và có khả năng chịu các loài sâu bệnh hại. Đặc biệt giống chè Trung du búp tím vừa khai thác nguyên liệu chế biến chè, vừa tách chiết các hợp chất anthocyan phục vụ cho dinh dưỡng và dược thảo. Đây là giống bản địa, do đó cũng rất cần nghiên cứu chọn lọc để bảo tồn và phát triển, góp phần phát triển nông nghiệp

¹ Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

² Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc